



bìng lǐ xué

病理学

noun · pathology

Example Sentences

tā zhèng zài xué xí bìng lǐ xué
他正在学习病理学。

He is studying pathology.

bìng lǐ xué shì yī xué de zhòng yào fēn zhī
病理学是医学的重要分支。

Pathology is an important branch of medicine.

Trace each character, then write the word on your own.

病	病	病	病	病	病	病	病	病	病	病
病	病									

理	理	理	理	理	理	理	理	理	理	理
理	理	理								

学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学